

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Tài

2. Ông Phan Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 198/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1983.

Cùng trú tại: Khu phố 9, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Nguyên đơn chị M có mặt; bị đơn anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh Đ tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đến với nhau thành vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không lo làm ăn mà hay nhậu nhẹt về nhà quậy phá nhà cửa, chửi bới xúc phạm bản thân chị và gia đình chị. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

- Về con chung: Chị M khai vợ chồng chị có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 07/10/2007.

Nếu ly hôn nguyện vọng của chị M xin được nuôi cháu T đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị M yêu cầu vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: Chị M khai vợ chồng không có nợ chung.

* Tại bản tự khai anh Nguyễn Minh Đ thống nhất thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị M trình bày. Anh Đ thừa nhận có sai lầm và mong vợ chồng đoàn tụ. Nhưng sau đó anh Đ không đến Tòa, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn Minh Đ cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Minh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt đến nhà của bị đơn, niêm yết tại UBND thị trấn H, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Minh Đ là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 51 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày ngày 04/12/2006. Sau khi kết hôn chị M xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không lo làm ăn mà hay nhậu nhẹt về nhà quậy phá nhà cửa, chửi bới xúc phạm bản thân chị M và gia đình chị M. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án muốn hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống làm ăn nuôi con, nhưng anh Đ không đến Tòa làm việc. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống

hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M xin được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị M và anh Đ có 01 con chung tên là: Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 07/10/2007. Nguyên vọng của chị M nếu ly hôn xin nuôi cháu T và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Do bị đơn anh Nguyễn Minh Đ vắng mặt nên không biết nguyện vọng của anh Đ có muốn nuôi con hay không nhưng theo bản tự khai của cháu T mong muốn được sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T là con gái ở với mẹ là phù hợp với thực tế, và cũng thỏa theo nguyện vọng của cháu T. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Minh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị M yêu cầu để vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị M khai không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0005313 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng:

- Giao cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 07/10/2007 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị M yêu cầu để vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị M khai không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu số tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0005313 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành